TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5- 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 18/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa

1/ Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh V –sinh năm 1981
Địa chỉ: thôn C, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

2/Bị đơn: Anh Lê Văn S - sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ dân phố N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
(Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Thanh V trình bày :

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh V và anh Lê Văn S có tìm hiểu và kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (Nay là phường P). Trong

thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung qua nhiều năm. Đến năm 2022 anh Lê Văn S đi làm ăn xa, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị Thanh V và anh Lê Văn S có 01 người con chung tên Lê Trần Vũ K – sinh ngày 21/10/2012. Hiện cháu K đang sống với chị V. Khi ly hôn chị V yêu cầu nuôi con chung. Về cấp dưỡng cho con chị V không yêu cầu

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: chị V khai không có

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Lê Văn S được Tòa án tống đạt thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến về việc chị V yêu cầu ly hôn và nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Văn S ở tổ dân phố N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng

[2.1] Về hôn nhân: chị Trần Thị Thanh V và anh Lê Văn S có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã P (Nay là phường P). Căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị V và anh S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh S, chị V sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên từ năm 2022 đến nay đã sống ly thân. Mặc khác anh Lê Văn S đã được Tòa án thông báo về việc chị V yêu cầu ly hôn nhưng anh không có ý kiến. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa chị V và anh S đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên việc chị V yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ chấp nhận

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị Thanh V và anh Lê Văn S có 01 người con chung tên Lê Trần Vũ K – sinh ngày 21/10/2012. Hiện cháu K đang sống với chị V. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị V thì Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Lê Trần Vũ K sống chung cùng với chị V và có nguyện vọng sống với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Lê Trần Vũ K cho chị Trần Thị Thanh V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị Thanh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

[2.4] Về nợ chung: chị V khai không có

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Trần Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng chị V đã nộp tại biên lai số 0001771 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh V

1.Về hôn nhân : Cho chị Trần Thị Thanh V được ly hôn với anh Lê Văn S

2.Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị Thanh V và anh Lê Văn S có 01 người con chung tên Lê Trần Vũ K – sinh ngày 21/10/2012. Giao cháu Lê Trần Vũ K cho chị Trần Thị Thanh V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về nợ chung: Không có

5.Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Trần Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng chị V đã nộp tại biên lai số 0001771 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

6. Về quyền kháng : Chị Trần Thị Thanh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THDS thị xã;
- UBND phường Phổ Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Minh Kha